

Số: 496/ĐHSPHN2-ĐT
V/v xác định và đăng ký chỉ tiêu
tuyển sinh năm 2024

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 1975/BGDĐT-GDĐH ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023 và xác định chỉ tiêu năm 2024 trình độ TS, ThS, ĐH, trình độ CĐ ngành Giáo dục Mầm non;

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 như Phụ lục kèm theo.

Trường ĐHSP Hà Nội 2 kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 để Nhà trường triển khai và thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT 19



Trịnh Đình Vinh

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			419	274	65,39
1	Tiến sĩ			69	8	11,59
1.1	Tiến sĩ chính quy			69	8	11,59
1.1.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			27	5	18,51
1.1.1.1	Giáo dục học	9140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	17	3	17,64
1.1.1.2	Quản lý giáo dục	9140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	10	2	20
1.1.2	Khoa học sự sống			19	1	5,26
1.1.2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	Khoa học sự sống	19	1	5,26
1.1.3	Khoa học tự nhiên			10	1	10
1.1.3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	Khoa học tự nhiên	10	1	10
1.1.4	Toán và thống kê			13	1	7,69
1.1.4.1	Toán giải tích	9460102	Toán và thống kê	13	1	7,69
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài					
2	Thạc sĩ			350	266	76
2.1	Thạc sĩ chính quy			350	266	76
2.1.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			212	182	85,84
2.1.1.1	Giáo dục học	8140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	75	74	98,66
2.1.1.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	55	26	47,27
2.1.1.3	Quản lý giáo dục	8140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	82	82	100
2.1.2	Khoa học sự sống			17	5	29,41
2.1.2.1	Động vật học	8420103	Khoa học sự sống	0	0	0
2.1.2.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	Khoa học sự sống	17	5	29,41
2.1.2.3	Sinh thái học	8420120	Khoa học sự sống	0	0	0
2.1.3	Khoa học tự nhiên			25	13	52
2.1.3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Khoa học tự nhiên	25	13	52
2.1.3.2	Vật lý chất rắn	8440104	Khoa học tự nhiên	0	0	0
2.1.4	Toán và thống kê			25	25	100
2.1.4.1	Toán giải tích	8460102	Toán và thống kê	25	25	100
2.1.4.2	Toán ứng dụng	8460112	Toán và thống kê	0	0	0
2.1.5	Máy tính và công nghệ thông tin			0	0	0
2.1.5.1	Khoa học máy tính	8480101	Máy tính và công nghệ thông tin	0	0	0
2.1.6	Nhân văn			71	41	57,74
2.1.6.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	Nhân văn	16	11	68,75



2.1.6.2	Lý luận văn học	8220120	Nhân văn	0	0	0
2.1.6.3	Văn học Việt Nam	8220121	Nhân văn	30	17	56,66
2.1.6.4	Lịch sử Việt Nam	8229013	Nhân văn	25	13	52
2.2	Thực si liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
B	ĐẠI HỌC			3035	2010	66,22
3	Đại học chính quy			1635	1088	66,54
3.1	Chính quy			1635	1088	66,54
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			1635	1088	66,54
3.1.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			947	779	82,25
3.1.2.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	97	92	94,84
3.1.2.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	105	96	91,42
3.1.2.1.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	107	84	78,5
3.1.2.1.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	75	68	90,66
3.1.2.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	56	44	78,57
3.1.2.1.6	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	54	48	88,88
3.1.2.1.7	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	97	84	86,59
3.1.2.1.8	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	20	100
3.1.2.1.9	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	17	85
3.1.2.1.10	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	24	16	66,66
3.1.2.1.11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	54	38	70,37
3.1.2.1.12	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	18	17	94,44
3.1.2.1.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	92	91	98,91
3.1.2.1.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60		0
3.1.2.1.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	68	64	94,11
3.1.2.2	Khoa học sự sống			96	3	3,12
3.1.2.2.1	Công nghệ sinh học	7420201	Khoa học sự sống	96	3	3,12
3.1.2.3	Máy tính và công nghệ thông tin			208	39	18,75
3.1.2.3.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	208	39	18,75
3.1.2.4	Nhân văn			206	190	92,23
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	60	57	95
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	146	133	91,09
3.1.2.4.3	Văn học	7229030	Nhân văn	0		0
3.1.2.5	Khoa học xã hội và hành vi			178	77	43,25

3.1.2.5.1	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	178	77	43,25
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
4	Đại học vừa làm vừa học			1400	922	65,85
4.1	Vừa làm vừa học			0		
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			200	162	81
4.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			200	162	81
4.2.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	170	162	95,29
4.2.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	30	0	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			1200	760	63,33
4.3.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			1076	760	70,63
4.3.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	760	760	100
4.3.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60	0	0
4.3.1.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.5	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	40		0
4.3.1.6	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.7	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.8	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.9	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	36		0
4.3.1.11	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20		0
4.3.1.12	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	40		0
4.3.2	Máy tính và công nghệ thông tin			62	0	0
4.3.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	62		0
4.3.3	Nhân văn			62	0	0
4.3.3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	31		0
4.3.3.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	31		0
4.3.4	Khoa học xã hội và hành vi			0	0	0
4.3.4.1	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	0		0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
5	Từ xa			0		

C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON					
6	Cao đẳng chính quy					
6.1	Chính quy					
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy					
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					
7	Cao đẳng vừa làm vừa học					
7.1	Vừa làm vừa học					
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học					
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2024

STT		Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trưởng tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Nam bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1. Danh sách ngành đào tạo															
1	Văn học		7229030	82/QĐ-BGDĐT	04/01/2004	82/QĐ-BGDĐT	04/01/2004	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2022					
2	Ngôn ngữ Việt Nam		8220102	6238/QĐ-BGD&ĐT	31/12/2016			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2021					
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		8140111	3348/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SPH	21/06/2004			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2022					
4	Quản lý giáo dục		8140114	1371/QĐ-BGD&ĐT	16/04/2013			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2022					
5	Khoa học máy tính		8480101	555/QĐ-BGDĐT	29/01/2011			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2022					
6	Sinh thái học		8420120	3276/QĐ-BGDĐT	10/08/2010			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2022					
7	Giáo dục Mầm non		7140201	238/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SPH	17/01/2005	BGD&ĐT-ĐH&SPH	17/01/2005	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2022					
8	Giáo dục học		9140101	2183/QĐ-BGDĐT	25/05/2011			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2022					
9	Lý luận văn học		9220120	518/QĐ-ĐH&SPH2	21/03/2024			Trường tự chủ QĐ	2024	2024					

10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	1895/QĐ-BGDĐT	21/05/2012	1895/QĐ-BGDĐT	21/05/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2021				
11	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	5359/QĐ-BGDĐT	03/12/2012			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2019				
12	Công nghệ thông tin	7480201	5240/QĐ-BGDĐT	08/11/2002	5240/QĐ-BGDĐT	08/11/2002	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2002	2022				
13	Sư phạm Ngữ văn	7140217	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1975	2022				
14	Sư phạm Hoá học	7140212	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1975	2022				
15	Vật lý chất rắn	8440104	3348/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/06/2004			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2017				
16	Động vật học	8420103	5425/QĐ-BGD&ĐT	05/12/2012			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2017				
17	Toán giải tích	8460102	1942/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	02/05/2003			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2003	2022				
18	Sư phạm Toán học	7140209	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	872/QĐ-BGDĐT	11/10/1975	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1975	2022				
19	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	590/QĐ-BGDĐT	20/02/2024			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024				
20	Công nghệ sinh học	7420201	681/QĐ-ĐHSPHN2	07/04/2023			Trường tự chủ QĐ	2023	2023				
21	Giáo dục Công dân	7140304	5240/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	08/11/2002	5240/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	08/11/2002	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2002	2022				
22	Sư phạm Lịch sử	7140218	3032/QĐ-BGDĐT	13/08/2012	3032/QĐ-BGDĐT	13/08/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2022				
23	Toán ứng dụng	8460112	5425/QĐ-BGD&ĐT	05/12/2012			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2021				
24	Giáo dục Tiểu học	7140202	771/QĐ-ĐT	25/02/1997	771/QĐ-ĐT	25/02/1997	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1997	2022				
25	Lịch sử Việt Nam	8229013	171/QĐ-ĐHSPHN2	07/02/2023			Trường tự chủ QĐ	2023	2023				
26	Sinh lý học thực vật	9420112	6238/QĐ-BGDĐT	30/12/2016			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022				
27	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	3684/QĐ-BGDĐT	12/07/2007			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2021				
28	Sư phạm Tin học	7140210	3032/QĐ-BGDĐT	13/08/2012	3032/QĐ-BGDĐT	13/08/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2022				
29	Toán giải tích	9460102	555/QĐ-BGDĐT	29/01/2011			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2022				
30	Ngôn ngữ Anh	7220201	82/QĐ-BGDĐT	06/01/2004	82/QĐ-BGDĐT	06/01/2004	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2022				

31	Giáo dục học	8140101	1332/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	15/03/2004		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2022			
32	Văn học Việt Nam	8220121	1266/QĐ-BGD&ĐT	16/04/2015		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2021			
33	Giáo dục Thể chất	7140206	82/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	06/01/2004	BGD&ĐT-ĐH&SDH	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2022			
34	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	3032/QĐ-BGD&ĐT	13/08/2012	3032/QĐ-BGD&ĐT	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2022			
35	Tâm lý học giáo dục	7310403	167/QĐ-ĐHSPHN2	24/01/2024		Trường tự chủ QĐ	2024	2024			
36	Quản lý thể dục thể thao	7810301	784/QĐ-ĐHSPHN2	22/04/2024		Trường tự chủ QĐ	2024	2024			
37	Việt Nam học	7310630	7344/QĐ-BGD&ĐT	22/12/2005	7344/QĐ-BGD&ĐT	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2022			
38	Lý luận văn học	8220120	3684/QĐ-BGD&ĐT	12/07/2007		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2022			
39	Sinh học thực nghiệm	8420114	1942/QĐ-BGD&ĐT	06/10/2005		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2006	2022			
40	Nguồn ngữ Trung Quốc	7220204	69/QĐ-BGD&ĐT	04/01/2008	69/QĐ-BGD&ĐT	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2022			
41	Sư phạm Vật lý	7140211	872/QĐ-BGD&ĐT	11/10/1975	872/QĐ-BGD&ĐT	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1975	2022			
42	Sư phạm Sinh học	7140213	872/QĐ-BGD&ĐT	12/10/1975	872/QĐ-BGD&ĐT	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1975	2022			
43	Quản lý giáo dục	9140114	51/QĐ-BGD&ĐT-SDH	05/01/2017		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022			
44	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	1644/QĐ-BGD&ĐT	13/06/2023		Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2023	2023			

2. Danh sách đội ngũ giảng viên nhân loại học và nhân văn

2.1. Danh
sách đội
ngũ
giảng
viên nhân
loại học và
nhân văn

STT	Họ và tên	Ngày sinh nhân loại	Số CHNTN/D/CCCD/ mã chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ký lập công	Tư vấn học tập	Ngày bắt đầu học học	Ngày kết thúc học học	Chức danh học tập	Trình độ	Chuyên môn hoặc môn học	Mã ngành học	Tên ngành học	Học sinh giới thiệu
1	Chu Anh Văn	23/05/1964	027080001293	Việt Nam	Nam	01/05/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/05/2016	01/05/2023		Thạc sĩ	Hoạt động bên ngoài và phòng tin địa lý			
2	Nguyễn Hà Trang	20/12/1992	026192011682	Việt Nam	Nữ	01/09/2023	HDLĐ xác định thời hạn	01/09/2023	01/09/2024		Thạc sĩ	Nguồn gốc Anh			
3	Đỗ Thị Thanh Dương	10/08/1991	026191000442	Việt Nam	Nữ	01/08/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2016			Thạc sĩ	Nguồn gốc Anh			
4	Phạm Đức Quang	31/05/1963	010520000777	Việt Nam	Nam	01/08/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2016		Pho giáo sư	Tiến sĩ	Tổng giáo dục			
5	Trần Minh Tuấn	30/01/1971	026071010518	Việt Nam	Nam	01/12/1992	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/1992			Tiến sĩ	Tổng giáo dục			
6	Le Thị Hải Yến	03/05/1989	030100004350	Việt Nam	Nữ	01/09/1998	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1998			Thạc sĩ	Văn học Việt Nam			
7	Le Thị Phượng	02/12/1986	037100001461	Việt Nam	Nữ	03/12/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	03/12/2015			Tiến sĩ	Tổng giáo dục			
8	Khai Thị Lan	28/06/1976	026176001123	Việt Nam	Nữ	01/03/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/03/2011			Tiến sĩ	Nguồn gốc Việt Nam			
9	Bùi Minh Đức	32/03/1978	030100001607	Việt Nam	Nam	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011		Pho giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học			
10	Nguyễn Bảo Trung	22/03/1993	017085007433	Việt Nam	Nam	01/12/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/2009			Thạc sĩ	Tổng giáo dục			
11	Trần Thị Thanh	05/10/1991	067101000028	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2015			Thạc sĩ	Tổng giáo dục			
12	Nguyễn Thị Nụ	02/11/2000	026100004127	Việt Nam	Nữ	04/02/2024	HDLĐ không xác định thời hạn	04/02/2024			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh			
13	Bà Thị Việt Anh	01/07/1971	034171007556	Việt Nam	Nữ	21/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008			Tiến sĩ	Giáo dục học			
14	Dương Thị Thái Hằng	08/08/1984	001184042253	Việt Nam	Nữ	21/09/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2016			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam			
15	Phạm Thị Thanh Hằng	06/11/1974	026174003384	Việt Nam	Nữ	01/10/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996			Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán			
16	Đoàn Ngọc Anh	10/06/1977	037170004335	Việt Nam	Nữ	01/02/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2007			Tiến sĩ	Giáo dục học			
17	Nguyễn Ann Dũng	28/01/1979	026030000406	Việt Nam	Nam	01/02/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2004			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn			
18	Le Xuân Đức	10/08/1983	027081002608	Việt Nam	Nam	01/01/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006			Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao			
19	Hà Minh Dự	12/04/1979	001179025111	Việt Nam	Nữ	01/09/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1997			Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn			
20	Nguyễn Huy Thảo	24/06/1976	017076000633	Việt Nam	Nam	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010			Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán			
21	Dương Văn Vũ	14/11/1971	001071014375	Việt Nam	Nam	01/02/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2004			Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao			
22	Hương Thị Thanh Huyền	19/07/1977	026170000726	Việt Nam	Nữ	05/10/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam			
23	Phạm Thị Hằng Hạnh	05/10/1979	026179000213	Việt Nam	Nữ	01/10/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996			Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn			
24	Trần Đức Bân Thuận	09/02/1970	10070000020	Việt Nam	Nam	01/06/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/06/2007			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam			
25	Lương Thị Hồng Cẩm	20/04/1989	026180000910	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011			Tiến sĩ	Văn học nước ngoài			
26	Trần Tuấn Việt	08/10/1976	013076000119	Việt Nam	Nam	01/09/1998	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1998			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			
27	Le Thị Thu Hiền	10/08/1975	026170000932	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009			Tiến sĩ	Văn học nước ngoài			
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	08/04/1986	018106027642	Việt Nam	Nữ	01/01/2001	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2001			Tiến sĩ	Quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành			
29	Trần Bình Việt	24/08/1964	001084003466	Viet Nam	Nam	01/02/1994	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/1994			Tiến sĩ	Cơ sở toán học cho tin học			
30	Phạm Thanh Tuấn	08/01/1994	032094003973	Viet Nam	Nam	01/01/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2002			Thạc sĩ	Tổng học			
31	Phạm Văn Lạc	28/12/1989	011009007993	Viet Nam	Nam	01/01/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2002			Thạc sĩ	Dịch vụ và lý thuyết xã			

32	Nguyễn Thị Việt Nga	01/12/1986	001186023453	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
33	Lưu Thị Bích Hoàng	07/05/1975	026175002352	Việt Nam	Nữ	01/04/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/1997	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	0
34	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	02/12/1992	026192000185	Việt Nam	Nữ	01/10/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	02/10/2003	Thạc sĩ	Sinh học	0
35	N. Quynh Anh Hung	24/11/1988	040088042382	Việt Nam	Nam	01/01/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ	0
36	Phạm Văn Cường	11/08/1988	022083005604	Việt Nam	Nam	01/02/2005	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2005	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	0
37	Đương Tân Viên	24/01/1994	026044009569	Việt Nam	Nam	01/04/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2007	Tiến sĩ	Bio và thực vật	0
38	Nguyễn Quang Huy	14/07/1973	001073021990	Việt Nam	Nam	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Toán giải tích	0
39	Nguyễn Hữu Tĩnh	21/02/1974	0260740020037	Việt Nam	Nam	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	0
40	Châu Hồng Huệ	24/11/1985	035183000323	Việt Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Thạc sĩ	Giáo dục học	0
41	Châu Văn Duyên	30/08/1976	026076000463	Việt Nam	Nữ	01/12/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/1999	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
42	Lê Huy Hoàng	19/12/1986	001086019403	Việt Nam	Nữ	01/10/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/2012	Thạc sĩ	Nghệ thuật Trung Quốc	0
43	Trương Hùng Sơn	02/09/1979	330790009959	Việt Nam	Nam	01/07/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/07/2004	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
44	Nguyễn Thị Phương Lan	15/12/1973	034173013843	Việt Nam	Nữ	01/01/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	0
45	Mai Xuân Dũng	15/06/1961	0198051000219	Việt Nam	Nam	01/07/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/07/2015	Tiến sĩ	Hóa lý thuyết và hóa II	0
46	Vũ Mạnh Quang	09/01/1974	026074004320	Việt Nam	Nam	01/04/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2011	Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	0
47	Lê Thị Văn Anh	01/10/1991	038191045023	Việt Nam	Nữ	31/08/2023	HDLĐ không xác định thời hạn	31/08/2023	Thạc sĩ	Sis planet Trung Quốc	0
48	Phạm Thị Nghĩa Vân	14/07/1982	037183000414	Việt Nam	Nữ	01/03/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/03/2008	Tiến sĩ	Nghệ ngữ Trung Quốc	0
49	Phạm Gia Tự	08/02/1977	023077017270	Việt Nam	Nam	01/12/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/1999	Tiến sĩ	Lý luận văn học	0
50	Nguyễn Thị Duyên	04/07/1980	027080005310	Việt Nam	Nam	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Học lý thuyết và học lý	0
51	Lê Tiến Hà	19/08/1978	0001078040637	Việt Nam	Nam	31/11/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Tâm lý học	0
52	Nguyễn Thị Trang	01/11/1983	001183025781	Việt Nam	Nữ	01/01/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2008	Tiến sĩ	Nghệ thuật Việt Nam	0
53	Trần Quang Huy	19/10/1983	035008009219	Việt Nam	Nam	01/01/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2002	Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt	0
54	Phùng Thị Văn Anh	06/11/1981	024181000794	Việt Nam	Nữ	01/10/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/2009	Thạc sĩ	Giáo dục học	0
55	Nguyễn Thị Thủy	23/10/1983	001183017221	Việt Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	0
56	Nguyễn Thị Lan Anh	06/02/1987	001137031674	Việt Nam	Nữ	01/09/2021	HDLĐ xác định thời hạn	31/08/2026	Thạc sĩ	Hàn Nôm	0
57	Cao Thị Văn	09/01/1989	035183000789	Việt Nam	Nữ	01/07/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/07/2011	Tiến sĩ	Lịch sử thể dục	0
58	Lê Đình Tuấn	15/05/1991	001091021379	Việt Nam	Nam	01/06/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/06/2007	Thạc sĩ	Hàn học cơ	0
59	Vũ Uyển Huy	12/08/1997	074097010152	Việt Nam	Nam	01/09/2021	HDLĐ không xác định thời hạn	31/08/2021	Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0
60	Trần Trung Hiếu	16/09/1991	001091017374	Việt Nam	Nam	01/01/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
61	Nguyễn Trang Nhung	02/03/2000	026300004305	Việt Nam	Nữ	03/01/2023	HDLĐ không xác định thời hạn	03/01/2023	Đại học	Nghệ ngữ Anh	0
62	Nguyễn Quang Hợp	09/09/1987	026047006183	Việt Nam	Nam	01/01/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2007	Tiến sĩ	Hàn học cơ	0
63	Nguyễn Thị Trân	14/09/1985	036165001038	Việt Nam	Nữ	01/05/1993	HDLĐ không xác định thời hạn	01/05/1993	Tiến sĩ	Triết học	0
64	Trần Thị Ngọc	30/07/1991	019191000246	Việt Nam	Nữ	01/12/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/2002	Thạc sĩ	Nghệ ngữ Anh	0
65	Nguyễn Văn Đan	21/08/1968	010058011058	Việt Nam	Nữ	01/09/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1996	Thạc sĩ	Nghệ ngữ Anh	0
66	Đường Thị Trang	08/04/1988	024188015516	Việt Nam	Nữ	01/11/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2009	Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	0
67	Lưu Thị Hồng	09/09/1994	026194000313	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011	Thạc sĩ	Nghệ ngữ Anh	0
68	Tạ Hữu Minh	14/12/1982	001082029623	Việt Nam	Nam	01/10/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/2007	Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao	0
69	Trần Thị Hằng	04/11/1987	01412010302	Việt Nam	Nam	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Đại lý học	0
70	Bùi Ngọc Mạnh	22/06/1989	034089000951	Việt Nam	Nam	01/11/2013	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2013	Tiến sĩ	Toán giải tích	0
71	Hoàng Ngọc Tuấn	11/09/1983	022043001019	Việt Nam	Nam	01/01/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006	Tiến sĩ	Toán giải tích	0
72	Lê Văn Khôi	09/09/1973	036075029135	Việt Nam	Nam	01/08/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2008	Thạc sĩ	Học môi trường	0
73	Bùi Ngọc Tân	21/02/1971	035171001290	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2015	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	0
74	Trần Vũ Khánh	02/09/1979	026079004957	Việt Nam	Nam	01/02/2005	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2005	Tiến sĩ	Giáo dục học	0
75	An Biên Thủy	21/10/1985	011185002101	Việt Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0

76	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	02/06/1984	03/18/2004-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2008	01/09/2008	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2008	Tiến sĩ	Lịch sử thế giới	0
77	Bà Phương Kim	27/10/1987	00/11/2011-01/01/2012	Việt Nam	Nữ	01/03/2013	01/03/2013	HDLB xác định thời hạn	01/03/2013	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	0
78	Lê Thị Minh Thảo	22/08/1982	03/11/2009-04/08/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	01/09/2010	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Giáo dục xã hội khoa học	0
79	Đỗ Thị Tố Nữ	06/03/1981	03/11/2009-03/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	01/09/2010	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Giáo dục học	0
80	Nguyễn Thị Nhung	06/03/1989	03/11/2009-03/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	01/09/2010	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Văn học	0
81	Vũ Thị Thủy Chinh	08/02/1974	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/2009	01/12/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2009	Thạc sĩ	Khoa học xã hội	0
82	Nguyễn Hải Thuận	19/10/1973	07/10/2010-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/01/1998	01/01/1998	HDLB không xác định thời hạn	01/01/1998	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	0
83	Nguyễn Thị Minh Hạnh	23/11/1973	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/2009	01/12/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2009	Tiến sĩ	Vật lý thiên văn và vật lý liên	0
84	Vũ Tuấn Anh	11/08/1980	03/08/2010-11/11/2010	Việt Nam	Nam	01/09/2016	01/09/2016	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2016	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học thể thao	0
85	Tôn Thị Phương Liên	04/05/1975	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	01/09/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2009	Tiến sĩ	Tiêu chuẩn	0
86	Nguyễn Phương Thi	01/01/1983	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	01/09/2011	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2011	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0
87	Vũ Thị Lai	23/08/1989	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	01/09/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2009	Tiến sĩ	Hệ thống học	0
88	Đàm Thị Hằng	02/01/1990	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	01/09/2011	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2011	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	0
89	Nguyễn Thị Hè Yết	08/08/1983	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	01/09/2011	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2011	Tiến sĩ	Sinh học thực nghiệm	0
90	Dương Quang Huân	03/03/1975	02/07/2010-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/12/2007	01/12/2007	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2007	Tiến sĩ	Hoài học	0
91	Ngô Thị Lan Hương	07/08/1986	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/01/2008	01/01/2008	HDLB không xác định thời hạn	01/01/2008	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	0
92	Phạm Kỵ Kiệt Trang	18/08/1989	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/1998	01/09/1998	HDLB không xác định thời hạn	01/09/1998	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học thể thao	0
93	Đỗ Gia Thiên Linh	07/09/1991	03/08/2010-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/01/2011	01/01/2011	HDLB không xác định thời hạn	01/01/2011	Thạc sĩ	Sinh lý bệnh	0
94	Mai Thị Hồng Tuyết	21/01/1983	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/2005	01/12/2005	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2005	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0
95	Nguyễn Thị Hồng Việt	08/10/1985	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/2015	01/12/2015	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2015	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	0
96	Thần Thị Huyền	13/09/1993	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	01/09/2010	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Địa lý học	0
97	Trần Thị Văn Anh	01/03/1992	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2012	01/09/2012	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2012	Thạc sĩ	Tiêu chuẩn	0
98	Nguyễn Mậu Lâm	20/08/1972	04/07/2009-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/09/2014	01/09/2014	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2014	Tiến sĩ	Vật lý chất rắn	0
99	Chu Thị Thu Thủy	07/09/1985	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/09/2016	01/09/2016	HDLB không xác định thời hạn	01/09/2016	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	0
100	Lê Văn Tường	20/06/1999	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	03/01/2023	03/01/2023	HDLB không xác định thời hạn	03/01/2023	Đại học	Ngôn ngữ Anh	0
101	Hồng Phương Thảo	08/06/1999	26/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	03/01/2023	03/01/2023	HDLB không xác định thời hạn	03/01/2023	Đại học	Ngôn ngữ Anh	0
102	Nguyễn Thị Bình Phương	15/12/1967	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/08/2016	01/08/2016	HDLB không xác định thời hạn	01/08/2016	Thạc sĩ	Đại số và đại số tuyến tính	0
103	Nguyễn Thị Bình Phương	24/03/1989	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/08/2016	01/08/2016	HDLB không xác định thời hạn	01/08/2016	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	0
104	Trần Văn Quyết	10/08/1983	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/02/2014	01/02/2014	HDLB không xác định thời hạn	01/02/2014	Tiến sĩ	Vật lý (mạch và vật lý rắn)	0
105	Đỗ Khắc Hùng	26/10/1983	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/03/2008	01/03/2008	HDLB không xác định thời hạn	01/03/2008	Tiến sĩ	Quản lý thể thao thể thao	0
106	Lê Đức Hùng	07/09/1972	06/10/2010-04/04/2010	Việt Nam	Nam	01/01/1997	01/01/1997	HDLB không xác định thời hạn	01/01/1997	Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0
107	Khánh Văn Quyết	27/05/1990	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nam	01/01/2011	01/01/2011	HDLB không xác định thời hạn	01/01/2011	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	0
108	Nguyễn Thị Văn Anh	26/07/1980	01/11/2010-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/10/2002	01/10/2002	HDLB không xác định thời hạn	01/10/2002	Tiến sĩ	Lý luận văn học	0
109	Nguyễn Thị Thủy Linh	26/01/1982	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/08/2009	01/08/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/08/2009	Thạc sĩ	Triết học	0
110	Nguyễn Thị Nga	03/11/1992	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/07/2022	01/07/2022	HDLB không xác định thời hạn	01/07/2022	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	0
111	Nguyễn Thị Hải Yến	13/09/1986	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/08/1997	01/08/1997	HDLB không xác định thời hạn	01/08/1997	Tiến sĩ	Hàn học	0
112	Phạm Thị Nhung	13/03/1974	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/11/1995	01/11/1995	HDLB không xác định thời hạn	01/11/1995	Thạc sĩ	Hàn học	0
113	Phạm Thị Hiền	11/01/1990	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/1994	01/12/1994	HDLB không xác định thời hạn	01/12/1994	Tiến sĩ	Khoa học môi trường	0
114	Nguyễn Thị Việt	24/08/1976	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/12/2009	01/12/2009	HDLB không xác định thời hạn	01/12/2009	Tiến sĩ	Đảm bảo học	0
115	Trần Thị Thu	10/06/1990	03/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/10/1996	01/10/1996	HDLB không xác định thời hạn	01/10/1996	Thạc sĩ	Trần đại học	0
116	Đoàn Văn Sơn	20/03/1970	27/07/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nam	06/01/1993	06/01/1993	HDLB không xác định thời hạn	06/01/1993	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
117	Phạm Phương Thu	12/02/1981	02/11/2008-04/04/2010	Việt Nam	Nữ	01/01/2006	01/01/2006	HDLB không xác định thời hạn	01/01/2006	Tiến sĩ	Di truyền học	0
118	Trần Thị Hồng Hạnh	19/11/1982	00/11/2010-02/11/2010	Việt Nam	Nữ	01/02/2007	01/02/2007	HDLB không xác định thời hạn	01/02/2007	Thạc sĩ	Khoa học thể thao	0

118	Tạ Thị Thanh Hà	12/10/1979	001179080258	Việt Nam	Nữ	01/01/2001	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2001		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
119	Trần Thị Minh Ngọc	06/01/1991	026111002350	Việt Nam	Nữ	04/04/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2010		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
120	Tôn Linh Chi	18/01/1986	020116600169	Việt Nam	Nữ	01/04/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2006		Tiến sĩ	Hàn Nôm
121	Dương Thị Thủy Dung	28/07/1994	021394006600	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học
122	Bùi Kim Cường	17/12/1972	0010720021399	Việt Nam	Nam	01/09/1993	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1993		Tiến sĩ	Trên giải tích
123	Trần Văn Hùng	01/03/1987	1315659004	Việt Nam	Nam	04/02/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2016		Tiến sĩ	Toán giải tích
124	Phạm Thị Hương	29/05/1990	031100006501	Việt Nam	Nữ	18/10/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	18/10/2012		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
125	Nguyễn Thị Giang	02/06/1976	026176003172	Việt Nam	Nữ	01/01/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2002		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
126	Nguyễn Thị Lan	17/12/1991	026191014742	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010		Thạc sĩ	Hà Chi Minh học
127	Trần Thị Mỹ	23/11/1969	0011690021501	Việt Nam	Nữ	02/01/2023	HDLĐ không xác định thời hạn	02/01/2023		Tiến sĩ	Văn học nước ngoài
128	Trần Quang Thuận	13/05/1985	1315798659	Việt Nam	Nam	04/06/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/06/2008		Tiến sĩ	Hóa lý thuyết và thực hành
129	Nguyễn Văn Dương	11/09/1984	013084010204	Việt Nam	Nam	01/01/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2011		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu
130	Đỗ Thị Thu Hương	18/02/1980	032149002252	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam
131	Phạm Thị Thủy Vân	20/02/1978	026178001951	Việt Nam	Nữ	28/10/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	28/10/2012		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học
132	Phạm Thị Kim Thy	14/05/1984	026084014344	Việt Nam	Nam	04/02/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2006		Thạc sĩ	Hàn học và lịch
133	Võ Mạnh Trọng	03/08/1989	001089003782	Việt Nam	Nam	01/12/2013	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/2013		Thạc sĩ	Quản lý tài chính và thuế
134	Phạm Ngọc Thanh	04/10/1993	025193013719	Việt Nam	Nữ	01/02/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2003		Tiến sĩ	Vật lý ứng dụng
135	Phạm Văn Tuấn	14/05/1986	030168023823	Việt Nam	Nữ	01/09/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2015		Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học
136	Phạm Văn Tuấn	19/09/1971	001071028466	Việt Nam	Nam	16/10/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	16/10/2012		Tiến sĩ	Thảo vật học
137	Đỗ Thị Hân	06/07/1998	022096004876	Việt Nam	Nam	07/12/2020	HDLĐ không xác định thời hạn	07/12/2020		Đại học	Sơ phạm Toán học
138	Đào Thị Hòa	23/10/1975	026175002118	Việt Nam	Nữ	31/01/1991	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1991		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học
139	Lý Thanh Hân	08/07/1981	082181004996	Việt Nam	Nữ	01/09/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2015		Tiến sĩ	Trần lý học
140	Nguyễn Thị Ngọc Hân	09/02/1983	026187001625	Việt Nam	Nữ	05/10/2018	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/2018		Đại học	Lý luận, lịch sử và phê bình nghệ thuật
141	Phạm Văn Lợi	12/04/1962	033063004897	Việt Nam	Nam	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008		Tiến sĩ	Địa lý học
142	Trần Văn Tiến	29/10/1972	001072010433	Việt Nam	Nam	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009		Thạc sĩ	Quản lý tài chính và thuế
143	Lê Thị Xuyên	02/01/1988	035188009673	Việt Nam	Nữ	01/09/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1997		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học
144	Nguyễn Hải Hằng	04/09/1999	002199000978	Việt Nam	Nữ	03/01/2023	HDLĐ không xác định thời hạn	03/01/2023		Đại học	Giáo dục pháp luật
145	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/03/1983	015183002962	Việt Nam	Nữ	01/11/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2004		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
146	Nguyễn Trà Lê	16/03/1985	001185022447	Việt Nam	Nữ	04/11/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2015		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
147	La Việt Hồng	31/12/1984	010084001127	Việt Nam	Nam	01/08/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2008		Tiến sĩ	Sinh học
148	Phạm Thị Quỳnh	22/03/1991	021091021136	Việt Nam	Nam	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009		Thạc sĩ	Toán học
149	Đỗ Thị Văn Trang	20/02/1984	026184010810	Việt Nam	Nữ	01/08/2001	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2001		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Hàn Quốc
150	Đỗ Thị Lan Hương	13/01/1976	0261760031924	Việt Nam	Nữ	01/10/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/2003		Tiến sĩ	Sinh thái học
151	Đỗ Thị Lan Hương	02/08/1972	064589000559	Việt Nam	Nam	01/12/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/2015		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
152	Phan Xuân Dũng	20/12/1988	03064001330	Việt Nam	Nam	04/01/1991	HDLĐ không xác định thời hạn	05/01/1993		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục
153	Phạm Thị Kim Dung	28/09/1986	001186013337	Việt Nam	Nữ	01/08/2017	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2017		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm
154	Nguyễn Thị Hân	04/01/1983	036187002174	Việt Nam	Nữ	01/01/2002	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2002		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam
155	Trần Thị Hà	10/05/1986	026186014073	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam
156	La Thị Lan Anh	10/09/1977	001177025534	Việt Nam	Nữ	01/08/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2008		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử giáo dục
157	Trần Khắc Thanh	08/02/1970	00270003162	Việt Nam	Nam	04/01/1993	HDLĐ không xác định thời hạn	05/01/1995		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
158	Phan Thị Thị Hân	10/04/1987	0401870005104	Việt Nam	Nữ	01/10/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996		Tiến sĩ	Đi thực học
159	Đỗ Thị Hân	04/10/1972	026072003104	Việt Nam	Nam	03/01/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	03/01/1997		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
160	Đỗ Thị Hân	15/06/1994	035184001014	Việt Nam	Nữ	01/09/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2016		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
161	Nguyễn Văn Quang	20/06/1989	001389000897	Việt Nam	Nam	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011		Tiến sĩ	Quản lý tài chính và thuế
162	Nguyễn Công Minh	12/12/1972	18072016146	Việt Nam	Nam	01/09/2021	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2021		Thạc sĩ	Ngành luật quân sự

166	Hà Mạnh Hùng	22/04/1970	10/0013942	Viet Nam	Nam	01/02/1993	HDLĐ không xác định thời hạn	01/03/1995	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục
167	Hàn Thị Hương Thủy	16/03/1980	022180002857	Viet Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	04/09/2010	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
168	Dương Thị Hà	02/04/1975	036175010101	Viet Nam	Nữ	04/10/1986	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
169	Nguyễn Quốc Tuấn	31/03/1984	0239840010383	Viet Nam	Nam	01/02/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2007	Thạc sĩ	Triết học
170	Bà Thị Thanh	05/03/1975	018475002353	Viet Nam	Nữ	01/02/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2004	Thạc sĩ	Văn học nước ngoài
171	Nguyễn Thị Thu Hương	11/07/1978	001178036781	Viet Nam	Nữ	01/04/2005	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2005	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
172	Nguyễn Thị Liên	04/12/1984	027184000263	Viet Nam	Nữ	05/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
173	Dương Thị Duyên	10/07/1973	001171044984	Viet Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số
174	Nguyễn Phương Linh	01/04/1990	001193027900	Viet Nam	Nữ	01/09/2023	HDLĐ xác định thời hạn	01/09/2023	Thạc sĩ	Tâm lý học
175	Nguyễn Văn Nam	28/04/1987	027067017902	Viet Nam	Nam	01/11/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2007	Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam
176	Lê Thị Ngọc Mai	04/07/1988	026188003580	Viet Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
177	Lê Thị Thanh Vinh	08/10/1985	026185004779	Viet Nam	Nữ	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam
178	Nguyễn Thị Ngọc Lan	30/03/1973	151730000318	Viet Nam	Nữ	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam
179	Tôn Thị Chiến	05/07/1988	053188006241	Viet Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
180	Trần Anh Tú	06/01/1990	026690000501	Viet Nam	Nam	01/01/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2015	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
181	Ngô Trọng Tuấn	25/10/1980	024080007690	Viet Nam	Nam	01/02/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2007	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
182	Phạm Gia Bình	10/10/1991	036091009702	Viet Nam	Nam	01/05/2024	HDLĐ xác định thời hạn	01/05/2024	Tiến sĩ	Lịch sử thế giới
183	Nguyễn Thị Huyền	25/01/1987	026187006175	Viet Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Tiến sĩ	Học phân tích
184	Nguyễn Văn Hiệp	24/06/1982	027082010779	Viet Nam	Nam	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
185	Nguyễn Thị Trà	24/02/1988	033188001978	Viet Nam	Nữ	01/09/1983	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1983	Thạc sĩ	Hình học và tô pô
186	Chen Thị Đẹp	17/10/1981	033181009339	Viet Nam	Nữ	07/12/2020	HDLĐ không xác định thời hạn	07/12/2020	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
187	Nguyễn Thị Bích Anh	06/11/1987	034183017034	Viet Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
188	Lê Thị Thanh Lệ	14/08/1990	001190076044	Viet Nam	Nữ	01/02/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2006	Thạc sĩ	Tâm lý học
189	Nguyễn Tr. ng Dũng	21/01/1978	025078003634	Viet Nam	Nam	01/12/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/1999	Tiến sĩ	Tổng hợp dụng
190	Nguyễn Thị Quỳnh	05/10/1985	015185009199	Viet Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
191	Nguyễn Văn Bình	23/11/1960	026600003853	Viet Nam	Nam	01/03/1991	HDLĐ không xác định thời hạn	01/03/1991	Tiến sĩ	Sinh lý học thực vật
192	Lê Đình Trung	28/08/1963	001053045555	Viet Nam	Nam	01/11/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1995	Tiến sĩ	Khoa học vật liệu
193	Bùi Thị Sáng	22/01/1988	034188011777	Viet Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011	Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
194	Trần Thị Lương	05/01/1990	019150001350	Viet Nam	Nữ	01/04/2017	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2017	Thạc sĩ	Giáo dục học
195	Nguyễn Thị Nga	01/12/1982	034082005589	Viet Nam	Nữ	01/09/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1997	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
196	Lê Khắc Quỳnh	03/06/1988	008188002005	Viet Nam	Nam	01/09/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2015	Tiến sĩ	Vật lý chất rắn
197	Bà Tuấn Anh	24/08/1984	001084017297	Viet Nam	Nam	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010	Tiến sĩ	Tâm lý học
198	Lưu Hoàng Anh	10/01/1980	03808008701	Viet Nam	Nam	01/09/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2015	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
199	Mai Thị Văn Anh	10/05/1973	015173003797	Viet Nam	Nữ	01/11/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2012	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
200	Trần Hải Tuấn	19/11/1997	027097010007	Viet Nam	Nam	01/11/2019	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2019	Thạc sĩ	Kỹ thuật hạt nhân
201	An Thị Thủy	28/03/1978	022176000213	Viet Nam	Nữ	01/03/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/03/2011	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam
202	Nguyễn Văn Dự	05/10/1990	03096014925	Viet Nam	Nam	01/09/1998	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1998	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
203	Hà Tuấn Dũng	22/11/1994	061025773	Viet Nam	Nam	01/10/1989	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1989	Thạc sĩ	Tâm lý học
204	Nguyễn Xuân Đoàn	15/09/1982	022082007536	Viet Nam	Nam	01/02/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2004	Tiến sĩ	Giáo dục học
205	Phạm H. Thương	25/09/1979	025179014033	Viet Nam	Nữ	01/03/2023	HDLĐ xác định thời hạn	01/03/2023	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
206	Nguyễn Thị Hải Hương	13/06/1968	026188000621	Viet Nam	Nữ	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam
207	Nguyễn Thị Diệu Linh	20/01/1993	001195025906	Viet Nam	Nữ	01/09/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
208	Nguyễn Văn Dũng	02/02/1972	005074006889	Viet Nam	Nam	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam
209	Lê Thị Phúc	14/03/1986	001186030748	Viet Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009	Thạc sĩ	Khoa học học viên

210	Nguyễn Thị Liên	14/01/1971	02/07/1993	01/06/1993	HLDB không xác định thời hạn	01/06/1993	HLDB không xác định thời hạn	01/06/1993	Tiến sĩ	Vật lý chất rắn	0
211	Nguyễn Thị Tuyết Vân	13/03/1972	01/01/1990	01/04/2010	HLDB không xác định thời hạn	01/04/2010	HLDB không xác định thời hạn	01/04/2010	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0
212	Nguyễn Thị Tĩnh	05/11/1973	02/07/1993	01/09/1998	HLDB không xác định thời hạn	01/09/1998	HLDB không xác định thời hạn	01/09/1998	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0
213	Kim Thị Trâm	22/07/1982	02/11/2005	02/11/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2005	Tiến sĩ	Giáo dục học	0
214	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10/04/1988	02/11/2005	02/11/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2005	Tiến sĩ	Sinh thái học	0
215	Lê Thị Thu	02/12/1989	02/08/2005	02/08/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2005	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2005	Tiến sĩ	Thư viện học	0
216	Nguyễn Thị Hà	16/05/1986	01/11/2006	01/11/2006	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2006	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2006	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
217	Trần Văn Tuấn	10/05/1984	13/06/2006	13/06/2006	HLDB không xác định thời hạn	13/06/2006	HLDB không xác định thời hạn	13/06/2006	Tiến sĩ	Hiệu học và tính	0
218	Trần Thị Phương Liên	12/05/1986	03/11/2006	03/11/2006	HLDB không xác định thời hạn	03/11/2006	HLDB không xác định thời hạn	03/11/2006	Tiến sĩ	Nghệ thuật Trung Quốc	0
219	Nguyễn Ngọc Tuấn	10/02/1975	01/07/2007	01/07/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/07/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/07/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
220	Nguyễn Thị Thuong	06/03/1971	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học	0
221	Nguyễn Thị Hùng	16/11/1982	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	0
222	Phạm Kiều Anh	27/12/1978	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Giáo dục học	0
223	Nguyễn Thị Linh	24/08/1985	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Hiệu phân tích	0
224	Kieu Phương Hoa	20/11/1985	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
225	Lê Văn Dung	12/11/1978	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Nghệ thuật	0
226	Lê Vương Bảo Châu	17/01/2000	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	0
227	Trần Xuân Đan	26/11/1982	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Khoa học tự nhiên	0
228	Trần Văn Dũng	06/01/1973	02/07/2004	02/07/2004	HLDB không xác định thời hạn	02/07/2004	HLDB không xác định thời hạn	02/07/2004	Tiến sĩ	Hiệu phân tích	0
229	Trần Văn Dũng	20/11/1983	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Hiệu phân tích	0
230	Phạm Văn Linh	05/11/1981	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Khoa học vật lý	0
231	Trần Văn Dũng	20/11/1983	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0
232	Nguyễn Thị Linh	09/07/1986	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
233	Nguyễn Văn Dũng	12/11/1978	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	0
234	Nguyễn Văn Thi	21/01/1974	02/07/2004	02/07/2004	HLDB không xác định thời hạn	02/07/2004	HLDB không xác định thời hạn	02/07/2004	Tiến sĩ	Vật lý thuyết và vật lý thực	0
235	Nguyễn Văn Dũng	28/12/1987	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
236	Trần Văn Dũng	10/01/1987	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	0
237	Trần Văn Dũng	01/01/1980	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Nghệ thuật	0
238	Vũ Kiên Anh	19/07/1993	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	0
239	Chu Ngọc Quỳnh	28/07/1991	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	0
240	Nguyễn Văn Hùng	21/09/1994	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh Quốc	0
241	Đỗ Thị Hiền	22/08/1988	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Nghệ thuật Việt Nam	0
242	Nguyễn Phú Thuận	26/02/1961	01/11/2007	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	01/11/2007	Tiến sĩ	Tâm lý học	0
243	Nguyễn Thị Thanh Vân	16/08/1975	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Hàn Nôm	0
244	Trần Thị Liên	15/12/1985	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Giáo dục học	0
245	Vũ Long Giang	21/07/1976	03/07/2007	03/07/2007	HLDB không xác định thời hạn	03/07/2007	HLDB không xác định thời hạn	03/07/2007	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	0
246	Phạm Thanh Tâm	10/01/1987	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Hình học và tính	0
247	Nguyễn Thị Bích	30/08/1988	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Lịch sử thế giới	0
248	Nguyễn Thị Hoàng	16/09/1984	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	0
249	Đỗ Thị Huyền Trang	19/08/1988	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Văn học dân gian	0
250	Nguyễn Văn Tuấn	26/10/1983	02/08/2007	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/08/2007	Tiến sĩ	Văn học dân gian	0
251	Hoàng Thị Duyên	20/01/1982	03/11/2007	03/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	03/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	03/11/2007	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử	0
252	Nguyễn Thị Việt Hằng	11/11/1976	02/11/2007	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	HLDB không xác định thời hạn	02/11/2007	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	0

233	Hà Đức Trọng	14/12/1996	025096608791	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0
234	Nguyễn Minh Cường	17/01/1983	022081006789	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	0
235	Nguyễn Thị Nhung	13/05/1988	026188000602	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	0
236	Nguyễn Văn Thao	12/03/1974	0130747006887	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	0
237	Lê Thị Nguyễn	20/09/1986	022186007697	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	0
238	Phạm Trung Sơn	16/11/1982	040035824	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Triết học	0
239	Đào Kim Mỹ	17/07/1988	033084306412	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Triết học	0
240	Trần Anh Thịnh	14/01/1976	30706000575	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
241	Võ Thị Thuong	11/07/1985	037183000227	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
242	Lê Thị Minh Tâm	08/08/1987	023187000288	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	0
243	Đoàn Thị Hiền	19/11/1991	013191003999	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Giáo dục học	0
244	Nguyễn Văn Minh	09/08/1977	011077001155	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Đạo lý học	0
245	Trần Tiến Tùng	24/03/1985	024085013253	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Giáo dục học	0
246	Nguyễn Ngọc Tú	11/02/1980	001080001551	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Kinh học máy tính	0
247	Tân Thị Hồng Loan	13/08/1986	023148000292	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Triết học	0
248	Lê Bình Ngọc	04/07/1995	026195000813	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Giáo dục nhân văn	0
249	Võ Mạnh Hồ	13/07/1975	00026889	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	0
250	Hà Thanh Hùng	06/08/1980	03803033554	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Vai lý thuyết và vai lý luận	0
251	Nguyễn Trọng Hoàng	02/02/1970	024179000072	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	0
252	Hoàng Xuân Vinh	10/08/1978	30178002153	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Liệu sư nghệ thuật nhân sự	0
253	Đỗ Thị Tiên	27/06/1982	034182002169	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	0
254	Trương Thị Ngọc Lan	10/02/1990	001199004401	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	0
255	Nguyễn Quang Thịnh	23/03/1988	001088006709	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	0
256	Nguyễn Thị Thảo	26/03/1990	040190033045	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Khoa học y sinh	0
257	Trần Thị Minh	30/05/1986	121037608	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Văn học	0
258	Đỗ Thị Lan Anh	12/08/1988	015189009983	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	0
259	Lê Thị Anh	01/06/1977	034077006816	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Âm nhạc học	0
260	Đỗ Thị Kiều	04/01/1968	034164007832	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Liệu sư Văn Nam	0
261	Nguyễn Trọng Khắc	16/05/1960	001169072313	Việt Nam	Nam	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Lý luận văn học	0
262	Phạm Thị Thái	01/07/1993	034192008710	Việt Nam	Nữ	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	01/02/2024	Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao	0
263	Nguyễn Thị Phương	30/06/1984	036194003404	Việt Nam	Nữ	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	Thạc sĩ	Toán học	0
264	Trần Thị Hạnh	13/11/1975	032176003372	Việt Nam	Nữ	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	Thạc sĩ	Lý luận văn học	0
265	Ninh Thị Linh	20/11/1987	036187004176	Việt Nam	Nữ	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	Thạc sĩ	Lý luận văn học	0
266	Võ Thị Tuyết	26/11/1989	030189003113	Việt Nam	Nữ	01/02/2016	01/02/2016	01/02/2016	01/02/2016	01/02/2016	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam	0
267	Nguyễn Văn Hào	03/07/1987	055087002069	Việt Nam	Nam	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	Thạc sĩ	Toán giải tích	0
268	Nguyễn Văn Hiền	13/11/1984	027084000352	Việt Nam	Nam	01/02/2001	01/02/2001	01/02/2001	01/02/2001	01/02/2001	Thạc sĩ	Động vật học	0
269	Hoàng Phúc Tuấn	06/09/1974	026074001683	Việt Nam	Nam	01/02/1997	01/02/1997	01/02/1997	01/02/1997	01/02/1997	Thạc sĩ	Vai lý thuyết và vai lý luận	0
270	Nguyễn Huy Hưng	13/03/1974	027074004931	Việt Nam	Nam	01/02/1995	01/02/1995	01/02/1995	01/02/1995	01/02/1995	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	0
271	Lê Thị Thu Hiền	20/10/1982	024132000977	Việt Nam	Nữ	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	01/02/2011	Thạc sĩ	Văn hóa Du lịch	0
272	Nguyễn Thị Nga	03/10/1986	030186002385	Việt Nam	Nữ	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	Thạc sĩ	Lịch sử thế giới	0
273	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	18/01/1991	026191000075	Việt Nam	Nữ	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	01/02/2008	Thạc sĩ	Âm nhạc học	0
274	Nguyễn Phương	16/06/1990	001094016360	Việt Nam	Nam	01/11/1995	01/11/1995	01/11/1995	01/11/1995	01/11/1995	Thạc sĩ	Toán học	0
275	Chu Văn Tâm	01/08/1987	024087002766	Việt Nam	Nam	01/05/1994	01/05/1994	01/05/1994	01/05/1994	01/05/1994	Thạc sĩ	Hoạt lý thuyết và hoạt lý	0
276	Phạm Đức Hòa	14/04/1977	031077003555	Việt Nam	Nam	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	01/02/1998	Thạc sĩ	Giáo dục học	0
277	Cao Bá Cường	21/03/1983	024072002060	Việt Nam	Nam	01/02/2003	01/02/2003	01/02/2003	01/02/2003	01/02/2003	Thạc sĩ	Sinh học	0

298	Đặng Thị Thu Huyền	07/09/1980	036180010730	Việt Nam	Nữ	01/09/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2003			Tiến sĩ	Hỏi & thuyết và hội li	0
299	Nguyễn Thị Duyên	20/10/1983	01518505125	Việt Nam	Nữ	01/01/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2008			Tiến sĩ	Giáo dục học	0
300	Lê Trường Sơn Chiến	12/09/1937	001037015703	Việt Nam	Nam	01/09/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008		Pho giáo sư	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
301	Karavon Thu Hach	05/03/1983	026183010594	Việt Nam	Nữ	01/02/2004	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2004			Thạc sĩ	Khoa học thư viện	0
302	Ngô Thị Liên	26/01/1994	026194000835	Việt Nam	Nữ	01/02/2007	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2007			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
303	Dã Văn Kiên	10/10/1983	016081017649	Việt Nam	Nam	01/11/1990	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1990			Tiến sĩ	Đời sống và lý thuyết xã	0
304	Nguyễn Thị Thắm	15/07/1988	001188026098	Việt Nam	Nữ	01/09/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2006			Tiến sĩ	Vật lý thuyết và vật lý luận	0
305	Đương Tấn Đoàn	12/06/1992	26092001633	Việt Nam	Nam	01/02/2023	HDLĐ không xác định thời hạn	01/02/2023			Thạc sĩ	Nguồn luật Trưng Quốc	0
306	Ngoài Thị Nhân	20/06/1980	037180085441	Việt Nam	Nữ	01/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2010			Tiến sĩ	Giáo dục học	0
307	Nguyễn Xuân Thành	08/08/1978	024078000067	Việt Nam	Nam	01/11/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/2009		Pho giáo sư	Tiến sĩ	Hội sinh được	0
308	Bùi Thủy Linh	26/07/1986	037186004873	Việt Nam	Nữ	01/01/1907	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/1997			Tiến sĩ	Văn học nước ngoài	0
309	Lê Thị Phương Thảo	01/09/1979	028199003237	Việt Nam	Nữ	01/04/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2006			Tiến sĩ	Giáo dục học	0
310	Nguyễn Văn Thường	10/07/1989	026049000619	Việt Nam	Nữ	01/09/2023	HDLĐ xác định thời hạn	01/09/2023			Thạc sĩ	Tâm lý học	0
311	Nguyễn Như An	30/11/1987	053087000572	Việt Nam	Nam	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011			Tiến sĩ	Khoa học máy tính	0
312	Nguyễn Quang Thuận	10/01/1986	0200060015427	Việt Nam	Nam	01/01/2008	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2008			Tiến sĩ	Giáo dục học	0
313	Trần Đức Cường	7/06/1974	09012378	Việt Nam	Nam	01/01/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/1999			Giáo sư	Chiến lược quân sự	0
314	Nguyễn Thị Kiều Nga	16/03/1975	023175014806	Việt Nam	Nữ	01/12/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/12/2015			Tiến sĩ	Đời sống và lý thuyết xã	0
315	Phạm Thị Diệu Thủy	15/04/1984	023184001700	Việt Nam	Nữ	01/09/2006	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2006			Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	0
316	Ninh Thị Sinh	20/06/1986	036186004698	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011			Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	0
317	Phạm Thị Thu Hiền	23/01/1994	026194000705	Việt Nam	Nữ	01/09/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2009			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	0
318	Bồ Tiểu Hà	23/03/1988	026188007018	Việt Nam	Nữ	01/09/2011	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/2011			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	0
319	Nguyễn Văn Quang	30/01/1983	0010082028242	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	01/01/2015		Pho giáo sư	Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	0
320	Trình Công Minh	27/10/1970	001079011108	Việt Nam	Nam	01/11/2023	HDLĐ xác định thời hạn	01/11/2023			Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	0
321	Đương Thị Mỹ Hằng	22/06/1976	0115175006506	Việt Nam	Nữ	01/05/2016	HDLĐ không xác định thời hạn	01/05/2016			Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	0
322	Nguyễn Minh Vương	11/12/1986	007086001652	Việt Nam	Nam	01/10/1996	HDLĐ không xác định thời hạn	01/10/1996			Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	0

[illegible]

[illegible]

[illegible]

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCC D/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành						Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
					Toán giải tích	Sinh lý học thực vật	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Lý luận văn học	Vật lý lý thuyết và vật lý toán			
										9460102			9420112
1	Phạm Đức Quang	27/09/1962	019062000077	Toán giải tích			100				1	100	
2	Lê Thu Phương	02/12/1986	037186003461	Toán giải tích				100			1	100	
3	Bùi Minh Đức	22/03/1978	001078019607	Giáo dục học				100			1	100	
4	Đào Thị Việt Anh	01/07/1971	034171007556	Giáo dục học			100				1	100	
5	Phan Thị Thanh Hồng	06/11/1974	026174003384	Vật lý lý thuyết và vật lý toán						100	1	100	
6	Doãn Ngọc Anh	10/08/1977	037177004335	Giáo dục học			100				1	100	
7	Nguyễn Huy Thảo	04/06/1976	017076000183	Vật lý lý thuyết và vật lý toán						100	1	100	
8	Nguyễn Quang Huy	14/07/1973	001073021999	Toán giải tích	100						1	100	
9	Phùng Gia Thế	08/04/1977	025077017270	Lý luận văn học					100		1	100	
10	Bùi Ngọc Mười	22/10/1989	034089000951	Toán giải tích	100						1	100	
11	Phạm Thị Minh Hạnh	23/11/1973	034173004869	Vật lý lý thuyết và vật lý toán						100	1	100	
12	Mai Thị Hồng Tuyết	21/01/1985	036185006326	Văn học Việt Nam					100		1	100	
13	Nguyễn Thị Hồng Nhật	08/10/1985	026185011917	Ngôn ngữ Anh			100				1	100	
14	Hoàng Văn Quyết	10/08/1983	024083001271	Vật lý lý thuyết và vật lý toán						100	1	100	
15	Nguyễn Thị Văn Anh	24/07/1980	015180013865	Lý luận văn học					100		1	100	
16	Tạ Thị Thanh Hoa	13/10/1979	001179080268	Ngôn ngữ Anh				100			1	100	
17	Bùi Kiên Cường	17/12/1972	001072023399	Toán giải tích	100						1	100	
18	Trần Văn Nghị	01/03/1987	151565904	Toán giải tích	100						1	100	

19	Lê Trà My	23/11/1969	001169021501	Văn học nước ngoài						100			1	100
20	Hà Minh Tâm	19/09/1971	001071028466	Thực vật học	100								1	100
21	Lý Thanh Hiền	08/07/1981	082181004996	Tâm lý học				100					1	100
22	Là Việt Hồng	31/12/1984	010084001127	Sinh học	100								1	100
23	Đặng Ngọc Nam	02/08/1972	064089000059	Ngôn ngữ Anh					100				1	100
24	Phan Xuân Dũng	20/10/1968	038068003830	Quản lý giáo dục				100					1	100
25	Lê Thị Lan Anh	30/09/1977	001177023534	Lý luận và lịch sử giáo dục									1	100
26	Phan Thị Thu Hiền	10/04/1987	040187005104	Di truyền học	100								1	100
27	Hà Mạnh Hùng	02/04/1970	1070013942	Quản lý giáo dục				100					1	100
28	Nguyễn Thị Phương Lan	11/07/1978	001178036781	Ngôn ngữ Anh				100					1	100
29	Nguyễn Thị Hà Anh	06/11/1987	034187017054	Ngôn ngữ Anh					100				1	100
30	Nguyễn Trung Dũng	21/01/1978	025078002634	Toán ứng dụng	100								1	100
31	Nguyễn Văn Đình	23/11/1960	026060003853	Sinh lý học thực vật	100								1	100
32	Ngô Thị Trang	27/07/1982	024182000099	Giáo dục học					100				1	100
33	Lê Chí Toàn	16/12/1989	026089005874	Thực vật học	100								1	100
34	Trần Văn Tuấn	10/05/1986	036086010966	Hình học và tô pô	100								1	100
35	Trần Văn Bằng	06/01/1975	027075000444	Toán giải tích	100								1	100
36	Nguyễn Văn Thụ	23/01/1974	024074000302	Vật lý lý thuyết và vật lý toán							100		1	100
37	Nguyễn Văn Độ	28/12/1987	033087017184	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn					100				1	100
38	Trần Thị Loan	15/12/1985	036185005736	Giáo dục học					100				1	100
39	Nguyễn Thị Hương	16/09/1984	0251840011374	Quản lý giáo dục					100				1	100
40	Nguyễn Văn Tuyên	26/10/1983	025083008994	Toán giải tích	100								1	100
41	Hoàng Thị Duyên	20/01/1982	035182000626	Lý luận văn học						100			1	100
42	Lê Thị Nguyễn	20/09/1986	022186007697	Quản lý giáo dục					100				1	100
43	Hà Thanh Hùng	06/08/1980	038080033554	Vật lý lý thuyết và vật lý toán							100		1	100
44	Nguyễn Thị Kiều Anh	16/03/1969	001169012315	Lý luận văn học						100			1	100
45	Nguyễn Văn Hào	05/07/1967	026067002069	Toán giải tích	100								1	100
46	Nguyễn Thị Duyên	20/10/1985	015185003125	Giáo dục học					100				1	100
47	Lê Trường Sơn Chấn Hải	27/09/1957	001057015763	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn					100				1	100

48	Nguyễn Thị Thắm	28/07/1988	001188026098	Vật lý lý thuyết và vật lý toán							100	1	100
49	Nguyễn Xuân Thành	09/08/1978	024078000067	Hóa sinh được						100		1	100

Z.2 Danh sách đối ngũ giảng viên thỉnh giảng:

ST T	Họ và tên	Ngày sinh/năm sinh	Số CM/ND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Nạn tuyển định/ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức vị/khóa học	Trình độ	Chuyên môn đào tạo	Thẩm nhiệm công tác	Tên đơn vị nghịệp	Mã nghịệp tham gia ĐTTX	Tên đơn vị tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia)
1	Nguyễn Đức Quang	08/01/1953	026053000953	Việt Nam	Nam	03/06/2023	Hợp đồng thỉnh giảng	01/06/2023	01/06/2024		Tiến sĩ	Giáo dục học	30				0

S. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

S.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
138/QĐ-KĐCL	30/03/2018	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
184/QĐ-KĐCL	28/02/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

S.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1	Giáo dục Công dân	7140204	116/NQ-HĐKĐCL	18/12/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Sư phạm Vật lý	7140211	143/NQ-HĐKĐCL	08/01/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Sư phạm Hoá học	7140212	141/NQ-HĐKĐCL	08/01/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Sư phạm Lịch sử	7140218	118/NQ-HĐKĐCL	18/12/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
5	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	15/NQ-HĐKĐCL	23/02/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
6	Sư phạm Sinh học	7140213	142/NQ-HĐKĐCL	08/01/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
7	Công nghệ thông tin	7480201	44/NQ-HĐKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
8	Giáo dục Tiểu học	7140202	115/NQ-HĐKĐCL	18/12/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
9	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	43/NQ-HĐKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
10	Giáo dục Thể chất	7140206	117/NQ-HĐKĐCL	18/12/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
11	Ngôn ngữ Anh	7220201	42/NQ-HĐKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
12	Sư phạm Ngữ văn	7140217	14/NQ-HĐKĐCL	24/02/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

13	Giáo dục Mầm non	7140201	12/NQ-HBKĐCL	24/02/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
14	Sư phạm Tin học	7140210	47/NQ-HBKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
15	Sư phạm Toán học	7140209	13/NQ-HBKĐCL	24/02/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
16	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	46/NQ-HBKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
17	Viết Nam học	7310630	44/NQ-HBKĐCL	04/03/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

6.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
2736/QĐ-BGD&ĐT	23/09/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Cao Bá Cường	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Phó Hiệu trưởng
2	Phạm Đức Hiếu	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
3	Lê Thị Thanh Nhân	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
4	Nguyễn Văn Thụ	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
5	Nguyễn Văn Tùng	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
6	Nguyễn Ngọc Hà	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
7	Hoàng Ngọc Tuấn	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
8	Nguyễn Văn Dũng	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
9	Phạm Khương Duy	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
10	Chu Thị Hương	Đại học	Nữ	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
11	Nguyễn Quang Huy	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Hiệu trưởng
12	Trịnh Đình Vinh	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Phó Hiệu trưởng
13	Nguyễn Đăng Điệp	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Thành viên hội đồng trường
14	Nguyễn Huy Hưng	Thạc sĩ	Nam	Thư ký	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
15	Đỗ Thanh Tuấn	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Khác
16	Phùng Gia Thế	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Chủ tịch	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
17	Bùi Minh Đức	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu
18	Bùi Kiên Cường	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Phó Hiệu trưởng
19	Nguyễn Thu Hương	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	Giảng viên cơ hữu

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế Dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSP Hà Nội 2	động của Trường ĐHSP Hà Nội 2	12-NQ/HĐT	09/07/2021	Hội đồng trường - Trường ĐHSP Hà Nội 2
2	Quy chế tài chính	Quy chế tài chính	19/NQ-HĐT	18/08/2021	Hội đồng trường - Trường ĐHSP Hà Nội 2
3	Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường ĐHSP Hà Nội 2	Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường ĐHSP Hà Nội 2	01-NQ/HĐT	07/10/2020	Hội đồng trường - Trường ĐHSP Hà Nội 2

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Khoa học xã hội và hành vi		178	77	3	0
1.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	0	0	0	0
1.2	Việt Nam học	7310630	178	77	3	66,6
2	Khoa học sự sống		96	3	0	0
2.1	Công nghệ sinh học	7420201	96	3	0	0
3	Máy tính và công nghệ thông tin		208	39	6	0
3.1	Công nghệ thông tin	7480201	208	39	6	100
4	Nhân văn		206	190	153	0
4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	60	57	35	88,37
4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	146	133	117	98,26
4.3	Văn học	7229030	0	0	1	100
5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		887	779	862	0
5.1	Giáo dục Mầm non	7140201	97	92	106	97,7
5.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	105	96	323	98,11
5.3	Giáo dục Công dân	7140204	107	84	11	100
5.4	Giáo dục Thể chất	7140206	75	68	17	83,33
5.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	56	44	2	100
5.6	Sư phạm Toán học	7140209	54	48	178	99,01
5.7	Sư phạm Tin học	7140210	97	84	0	0
5.8	Sư phạm Vật lý	7140211	20	20	7	86,67

5.9	Sư phạm Hoá học	7140212	20	17	16	90
5.10	Sư phạm Sinh học	7140213	24	16	4	100
5.11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	54	38	112	92,31
5.12	Sư phạm Lịch sử	7140218	18	17	10	100
5.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	92	91	76	98,89
5.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	0	0	0	0
5.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	68	64	0	0
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0	0	0
6.1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	0	0	0	0
	Tổng		1575	1088	1024	0

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2024

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			501
1	Tiến sĩ			22
1.1	Tiến sĩ chính quy			22
1.1.1	Toán và thống kê			5
1.1.1.1	Toán giải tích	9460102	Toán và thống kê	5
1.1.2	Khoa học sự sống			2
1.1.2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	Khoa học sự sống	2
1.1.3	Khoa học tự nhiên			1
1.1.3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	Khoa học tự nhiên	1
1.1.4	Nhân văn			0
1.1.4.1	Lý luận văn học	9220120	Nhân văn	0
1.1.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			14
1.1.5.1	Giáo dục học	9140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	5
1.1.5.2	Quản lý giáo dục	9140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	9
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
2	Thạc sĩ			479
2.1	Thạc sĩ chính quy			479
2.1.1	Toán và thống kê			40
2.1.1.1	Toán giải tích	8460102	Toán và thống kê	38
2.1.1.2	Toán ứng dụng	8460112	Toán và thống kê	2
2.1.2	Khoa học sự sống			22
2.1.2.1	Động vật học	8420103	Khoa học sự sống	0
2.1.2.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	Khoa học sự sống	14
2.1.2.3	Sinh thái học	8420120	Khoa học sự sống	8
2.1.3	Máy tính và công nghệ thông tin			3
2.1.3.1	Khoa học máy tính	8480101	Máy tính và công nghệ thông tin	3
2.1.4	Khoa học tự nhiên			13
2.1.4.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Khoa học tự nhiên	13
2.1.4.2	Vật lý chất rắn	8440104	Khoa học tự nhiên	0
2.1.5	Nhân văn			60

2.1.5.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	Nhân văn	11
2.1.5.2	Lý luận văn học	8220120	Nhân văn	19
2.1.5.3	Văn học Việt Nam	8220121	Nhân văn	17
2.1.5.4	Lịch sử Việt Nam	8229013	Nhân văn	13
2.1.6	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			341
2.1.6.1	Giáo dục học	8140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	115
2.1.6.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	77
2.1.6.3	Quản lý giáo dục	8140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	149
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			7684
B	ĐẠI HỌC			7684
3	Đại học chính quy			7684
3.1	Chính quy			7684
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			7684
3.1.2.1	Khoa học xã hội và hành vi			163
3.1.2.1.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	Khoa học xã hội và hành vi	0
3.1.2.1.2	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	163
3.1.2.2	Khoa học sự sống			3
3.1.2.2.1	Công nghệ sinh học	7420201	Khoa học sự sống	3
3.1.2.3	Máy tính và công nghệ thông tin			141
3.1.2.3.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	141
3.1.2.4	Nhân văn			1411
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	565
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	846
3.1.2.4.3	Văn học	7229030	Nhân văn	0
3.1.2.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			5966
3.1.2.5.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	372
3.1.2.5.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1541
3.1.2.5.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	273
3.1.2.5.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	129
3.1.2.5.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	47
3.1.2.5.6	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1029

3.1.2.5.7	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	215
3.1.2.5.8	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	106
3.1.2.5.9	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	135
3.1.2.5.10	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	47
3.1.2.5.11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	853
3.1.2.5.12	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	161
3.1.2.5.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	994
3.1.2.5.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
3.1.2.5.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	64
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.1.2.6.1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0
4	Đại học vừa làm vừa học			
4.1	Vừa làm vừa học			0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0
4.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			
4.2.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.2.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0
4.3.1	Khoa học xã hội và hành vi			
4.3.1.1	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.3.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0
4.3.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
4.3.3	Nhân văn			0
4.3.3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	0
4.3.3.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	0
4.3.4	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0

4.3.4.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.5	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.6	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.7	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.8	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.9	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.11	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.3.4.12	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			
6.1	Chính quy			
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2024 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	SAU ĐẠI HỌC			0	239
1	Tiến sĩ			0	4
1.1	Tiến sĩ chính quy			0	4
1.1.1	Toán và thống kê			0	1
1.1.1.1	Toán giải tích	9460102	Toán và thống kê	4	1
1.1.1.2	Khoa học sự sống			0	0
1.1.2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	Khoa học sự sống	4	0
1.1.3	Khoa học tự nhiên			0	0
1.1.3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	Khoa học tự nhiên	4	0
1.1.4	Nhân văn			0	0
1.1.4.1	Lý luận văn học	9220120	Nhân văn	4	0
1.1.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0	3
1.1.5.1	Giáo dục học	9140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	1
1.1.5.2	Quản lý giáo dục	9140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	2
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
2	Thạc sĩ			0	235
2.1	Thạc sĩ chính quy			0	235
2.1.1	Toán và thống kê			0	20
2.1.1.1	Toán giải tích	8460102	Toán và thống kê	2	19
2.1.1.2	Toán ứng dụng	8460112	Toán và thống kê	2	1
2.1.2	Khoa học sự sống			0	11
2.1.2.1	Động vật học	8420103	Khoa học sự sống	2	0
2.1.2.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	Khoa học sự sống	2	7
2.1.2.3	Sinh thái học	8420120	Khoa học sự sống	2	4
2.1.3	Máy tính và công nghệ thông tin			0	1
2.1.3.1	Khoa học máy tính	8480101	Máy tính và công nghệ thông tin	2	1
2.1.4	Khoa học tự nhiên			0	6

10/05/2024 17:21

2.1.4.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Khoa học tự nhiên	2	6
2.1.4.2	Vật lý chất rắn	8440104	Khoa học tự nhiên	2	0
2.1.5	Nhân văn			0	28
2.1.5.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	Nhân văn	2	5
2.1.5.2	Lý luận văn học	8220120	Nhân văn	2	9
2.1.5.3	Văn học Việt Nam	8220121	Nhân văn	2	8
2.1.5.4	Lịch sử Việt Nam	8229013	Nhân văn	2	6
2.1.6	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0	169
2.1.6.1	Giáo dục học	8140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2	57
2.1.6.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2	38
2.1.6.3	Quản lý giáo dục	8140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2	74
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
B	ĐẠI HỌC			0	1913
3	Đại học chính quy			0	1913
3.1	Chính quy			0	1913
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0	
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0	1913
3.1.2.1	Khoa học xã hội và hành vi			0	40
3.1.2.1.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	Khoa học xã hội và hành vi	4	0
3.1.2.1.2	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	4	40
3.1.2.2	Khoa học sự sống			0	0
3.1.2.2.1	Công nghệ sinh học	7420201	Khoa học sự sống	4	0
3.1.2.3	Máy tính và công nghệ thông tin			0	35
3.1.2.3.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	4	35
3.1.2.4	Nhân văn			0	352
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	4	141
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	4	211
3.1.2.4.3	Văn học	7229030	Nhân văn	4	0
3.1.2.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0	1486
3.1.2.5.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	93
3.1.2.5.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	385
3.1.2.5.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	68
3.1.2.5.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	32

3.1.2.5.5	Giao dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	11
3.1.2.5.6	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	257
3.1.2.5.7	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	53
3.1.2.5.8	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	26
3.1.2.5.9	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	33
3.1.2.5.10	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	11
3.1.2.5.11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	213
3.1.2.5.12	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	40
3.1.2.5.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	248
3.1.2.5.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	0
3.1.2.5.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4	16
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0	0
3.1.2.6.1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	4	0
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0
4.1	Vừa làm vừa học			0	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
4.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0	0
4.2.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3	0
4.2.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
4.3.1	Khoa học xã hội và hành vi			0	0
4.3.1.1	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	2	0
4.3.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0	0
4.3.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	2	0
4.3.3	Nhân văn			0	0
4.3.3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	2	0
4.3.3.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	2	0
4.3.4	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0	0
4.3.4.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2	0

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư, Tiến sĩ/ Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư, Tiến sĩ/ Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy định xác định chi tiểu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ								
1	Toán và thống kê		0	2	7			9	31
1.1	Toán giải tích	9460102	0	2	7			9	31
2	Khoa học sự sống		0	3	3			6	24
2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	0	3	3			6	24
3	Khoa học tự nhiên		0	2	4			6	22
3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	0	2	4			6	22
4	Nhân văn		0	2	4			6	22
4.1	Lý luận văn học	9220120	0	2	4			6	22
5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		0	5	16			21	73
5.1	Giáo dục học	9140101	0	3	10			13	45
5.2	Quản lý giáo dục	9140114	0	2	6			8	28
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		0	14	34			48	172
II	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ								
1	Toán và thống kê		0	2	9			11	55
1.1	Toán ứng dụng	8460112	0	0	2			2	10
1.2	Toán giải tích	8460102	0	2	7			9	45
2	Khoa học sự sống		0	2	7			9	45
2.1	Sinh thái học	8420120	0	0	2			2	10

2.2	Động vật học	8420103	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Sinh học thực nghiệm	8420114	0	2	5				7	35
3	Máy tính và công nghệ thông tin		0	0	6				6	30
3.1	Khoa học máy tính	8480101	0	0	6				6	30
4	Khoa học tự nhiên		0	2	4				6	30
4.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	0	2	4				6	30
4.2	Vật lý chất rắn	8440104	0	0	0				0	0
5	Nhân văn		0	6	23				29	145
5.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	0	2	6				8	40
5.2	Lịch sử Việt Nam	8229013	0	1	5				6	30
5.3	Lý luận văn học	8220120	0	2	4				6	30
5.4	Văn học Việt Nam	8220121	0	1	8				9	45
6	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		0	8	54				62	310
6.1	Quản lý giáo dục	8140114	0	3	19				22	110
6.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	0	4	21				25	125
6.3	Giáo dục học	8140101	0	1	14				15	75
	Tổng cộng giảng dạy thực sĩ		0	20	103				123	615
III	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH									
1	Khoa học xã hội và hành vi		0	1	8	3	0	0	12	18,5
1.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	0	0	3	3	0	0	6	9
1.2	Việt Nam học	7310630	0	1	5	0	0	0	6	9,5
2	Khoa học sự sống		0	0	5	0	0	0	5	6
2.1	Công nghệ sinh học	7420201	0	0	5	0	0	0	5	6
3	Máy tính và công nghệ thông tin		0	0	4	1	0	0	5	9
3.1	Công nghệ thông tin	7480201	0	0	4	1	0	0	5	9
4	Nhân văn		0	2	13	20	6	41	51,8	
4.1	Văn học	7229030	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	0	2	5	14	3	24	30,9	
4.3	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	0	8	6	3	17	20,9	
5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		0	22	138	90	6	256	408,3	
5.1	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	0	3	4	0	0	7	15,5	
5.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	0	0	6	13	3	22	22,1	
5.3	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	0	0	7	1	0	8	15	

5.4	Sư phạm Toán học	7140209	0	2	13	17	1	33	46,3
5.5	Sư phạm Ngữ văn	7140217	0	2	13	5	0	20	37
5.6	Sư phạm Sinh học	7140213	0	0	6	1	0	7	11
5.7	Sư phạm Lịch sử	7140218	0	1	5	3	0	9	14,5
5.8	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	0	3	9	18	0	30	43,8
5.9	Giáo dục Thể chất	7140206	0	0	6	0	0	6	11
5.10	Giáo dục Mầm non	7140201	0	0	17	9	0	26	40
5.11	Giáo dục Công dân	7140204	0	0	7	3	2	12	15,6
5.12	Sư phạm Hoá học	7140212	0	2	11	1	0	14	27,5
5.13	Sư phạm Tin học	7140210	0	0	6	4	0	10	14
5.14	Giáo dục Tiểu học	7140202	0	7	19	8	0	34	64
5.15	Sư phạm Vật lý	7140211	0	2	9	7	0	18	31
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0	5	1	0	6	7
6.1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	0	0	5	1	0	6	7
	Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP		0	25	173	115	12	325	500,6
IV	Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH								

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ								
I	Toán và thống kê		0	0	0			0	0
1.1	Toán giải tích	9460102	0	0	0			0	0
2	Khoa học sự sống		0	0	0			0	0
2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	0	0	0			0	0
3	Khoa học tự nhiên		0	0	0			0	0
3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	0	0	0			0	0
4	Nhân văn		0	0	0			0	0
4.1	Lý luận văn học	9220120	0	0	0			0	0
5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		0	0	0			0	0
5.1	Giáo dục học	9140101	0	0	0			0	0
5.2	Quản lý giáo dục	9140114	0	0	0			0	0
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ		0	0	0			0	0
II	Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ								
I	Toán và thống kê		0	0	0			0	0
1.1	Toán ứng dụng	8460112	0	0	0			0	0
1.2	Toán giải tích	8460102	0	0	0			0	0
2	Khoa học sự sống		0	0	0			0	0
2.1	Động vật học	8420103	0	0	0			0	0
2.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	0	0	0			0	0
2.3	Sinh thái học	8420120	0	0	0			0	0
3	Máy tính và công nghệ thông tin		0	0	0			0	0
3.1	Khoa học máy tính	8480101	0	0	0			0	0

Ngày xuất: 17/05/2024 17:21

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2023

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng lab	276
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	20
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	29
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	154
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành	148
	TỔNG	428

Ngày xuất: 17/05/2024 17:46

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2024

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	SAU ĐẠI HỌC			369
1	Tiến sĩ			16
1.1	Tiến sĩ chính quy			16
1.1.1	Toán và thống kê			2
1.1.1.1	Toán giải tích	9460102	Toán và thống kê	2
1.1.2	Khoa học sự sống			2
1.1.2.1	Sinh lý học thực vật	9420112	Khoa học sự sống	2
1.1.3	Khoa học tự nhiên			1
1.1.3.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	Khoa học tự nhiên	1
1.1.4	Nhân văn			4
1.1.4.1	Lý luận văn học	9220120	Nhân văn	4
1.1.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			7
1.1.5.1	Giáo dục học	9140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3
1.1.5.2	Quản lý giáo dục			
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài	9140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4
2	Thạc sĩ			0
2.1	Thạc sĩ chính quy			353
2.1.1	Toán và thống kê			353
2.1.1.1	Toán giải tích	8460102	Toán và thống kê	33

2.1.1.2	Toán ứng dụng	8460112	Toán và thống kê	0
2.1.2	Khoa học sự sống			8
2.1.2.1	Động vật học	8420103	Khoa học sự sống	0
2.1.2.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	Khoa học sự sống	8
2.1.2.3	Sinh thái học	8420120	Khoa học sự sống	0
2.1.3	Máy tính và công nghệ thông tin			0
2.1.3.1	Khoa học máy tính	8480101	Máy tính và công nghệ thông tin	0
2.1.4	Khoa học tự nhiên			12
2.1.4.1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Khoa học tự nhiên	12
2.1.4.2	Vật lý chất rắn	8440104	Khoa học tự nhiên	0
2.1.5	Nhân văn			50
2.1.5.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	Nhân văn	0
2.1.5.2	Lý luận văn học	8220120	Nhân văn	15
2.1.5.3	Văn học Việt Nam	8220121	Nhân văn	15
2.1.5.4	Lịch sử Việt Nam	8220103	Nhân văn	20
2.1.6	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			250
2.1.6.1	Giáo dục học	8140101	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	75
2.1.6.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	65
2.1.6.3	Quản lý giáo dục	8140114	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	110
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0
B	ĐẠI HỌC			5713
3	Đại học chính quy			3979
3.1	Chính quy			3979
3.1.1	Các ngành đào tạo độc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo độc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			3979
3.1.2.1	Khoa học xã hội và hành vi			118
3.1.2.1.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	Khoa học xã hội và hành vi	68
3.1.2.1.2	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	50
3.1.2.2	Khoa học sự sống			30
3.1.2.2.1	Công nghệ sinh học			30
3.1.2.3	Máy tính và công nghệ thông tin	7420201	Khoa học sự sống	74

3.1.2.3.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	74
3.1.2.4	Nhân văn			236
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	98
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	138
3.1.2.4.3	Văn học	7229030	Nhân văn	0
3.1.2.5	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			3469
3.1.2.5.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	521
3.1.2.5.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	124
3.1.2.5.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	107
3.1.2.5.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	123
3.1.2.5.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	406
3.1.2.5.6	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	154
3.1.2.5.7	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	118
3.1.2.5.8	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	540
3.1.2.5.9	Sư phạm Hoá học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	448
3.1.2.5.10	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	184
3.1.2.5.11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	100
3.1.2.5.12	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	169
3.1.2.5.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	130
3.1.2.5.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	93
3.1.2.5.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	252
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			52
3.1.2.6.1	Quản lý thể dục thể thao	7810301	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	52
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0

3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0
4	Đại học vừa làm vừa học			1734
4.1	Vừa làm vừa học			0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			244
4.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			244
4.2.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	224
4.2.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			1490
4.3.1	Khoa học xã hội và hành vi			0
4.3.1.1	Việt Nam học	7310630	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.3.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0
4.3.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
4.3.3	Nhân văn			0
4.3.3.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	0
4.3.3.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	0
4.3.4	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			1490
4.3.4.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1030
4.3.4.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	190
4.3.4.3	Giáo dục Công dân	7140204	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60
4.3.4.5	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.6	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.7	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.8	Sư phạm Hóa học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.9	Sư phạm Sinh học	7140213	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.11	Sư phạm Lịch sử	7140218	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20
4.3.4.12	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	50
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0
5	Từ xa			0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			

6.1	Chính quy				
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy				
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng				
7	Cao đẳng vừa làm vừa học				
7.1	Vừa làm vừa học				
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học				
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng				

